

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Biên

2. Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Bắc Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên
tòa:** Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố
Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số
170/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXX-ST ngày 14
tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ K, thị trấn T Y T, huyện S Đ, tỉnh Bắc
Giang.

Nơi tạm trú: Thôn T, xã T T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Hiện
đang bị tạm giam tại Công an huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ K, thị trấn T Y T, huyện S Đ, tỉnh Bắc
Giang

Nơi tạm trú: Thôn T, xã T T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn yêu cầu, bản tự khai và các lời khai Anh Phạm Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không còn tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng anh đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị T có 01 con chung là Phạm Quốc Thịnh, sinh ngày 13/6/2017, hiện cháu Thịnh đang ở với chị T. Ly hôn anh và chị T thỏa thuận để chị T trực tiếp nuôi con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như anh N trình bày là đúng. Chị và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ cuối năm 2022, nên chị và anh N đã làm đơn yêu cầu Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, nhưng đến tháng 6 năm 2023 anh N bị bắt tạm giam tại Công an huyện S Đ nên không có mặt để giải quyết. Ngày 12/6/2023 chị xin rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và đề nghị giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Nay anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh N có 01 con chung là Phạm Quốc Thịnh, sinh ngày 13/6/2017, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm ở Công ty xuất khẩu lao động, thu nhập khoảng 13.000.000đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Tại giấy xác nhận thông tin về cư trú do Công an xã T T, thành phố Bắc Giang cung cấp theo đề nghị của anh N có ghi “Phạm Thị Hồng Ngọc, sinh ngày 18/02/2005 là con đẻ”, chị xin xác nhận: cháu Ngọc là con đẻ của anh N với chị

Vi Thị Tình là người vợ đầu, chị là vợ thứ hai chỉ có 1 con chung là cháu Phạm Quốc Thịnh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang thụ lý “Yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” và chuyển sang vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thẩm quyền; đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho anh Phạm Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con Phạm Quốc Thịnh, sinh ngày 13/6/2017. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị T có đơn “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Anh N và chị T có đăng ký tạm trú tại: Thôn T, xã T T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân

dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết yêu cầu thì tháng 6 năm 2023 anh N bị Công an huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang bắt tạm giam, do đó anh N không có mặt để giải quyết “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” được. Ngày 12/6/2023, chị T có đơn xin rút yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con nên được chuyển thành vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nguyên đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn ngày 16/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh N và chị T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh N và chị T đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế, sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và xin ly hôn. Chị T cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh N, chị T có 01 con chung là Phạm Quốc Thịnh, sinh ngày 13/6/2017. Hiện nay cháu Thịnh đang ở với chị T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị T và anh N đều thống nhất để chị T trực tiếp nuôi con. Xét về điều kiện nuôi con thì chị T có đủ điều kiện để nuôi con, do vậy cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83

của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng khi yêu cầu giải quyết Việc hôn nhân gia đình anh N và chị T đã thỏa thuận chị T nộp toàn bộ lệ phí. Nay chị T tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nên chấp nhận sự tự nguyện của chị T.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 1, 2 Điều 35, điểm h khoản 1, 2 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn N và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con Phạm Quốc Thịnh, sinh ngày 13/6/2017. Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002277 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- UBND xã T L, huyện
S Đ, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ vụ án.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy